

Số: /QĐ-UBND

Triệu Sơn, ngày tháng 12 năm 2020

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Kiên cố kênh tưới C6/7, thôn Đông Thành, xã Hợp Lý, huyện Triệu Sơn**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014;*

*Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ về quản lý dự chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính Phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;*

*Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;*

*Căn cứ Quyết định số 3236/QĐ-UBND ngày 24/4/2020 của Chủ tịch UBND huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng các công trình thuộc chương trình sử dụng nguồn vốn thực hiện chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa năm 2020 trên địa bàn huyện Triệu Sơn;*

*Căn cứ Quyết định số 8042/QĐ-UBND ngày 15/10/2020 của Chủ tịch UBND huyện về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán khảo sát xây dựng công trình: Kiên cố kênh tưới C6/7, thôn Đông Thành, xã Hợp Lý, huyện Triệu Sơn;*

*Theo đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng tại báo cáo thẩm định số 283/TĐ-KTHT ngày 25/12/2020 và Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Triệu Sơn tại tờ trình số 345/TTr-BQLDA ngày 21/12/2020.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình kiên cố kênh tưới C6/7, thôn Đông Thành, xã Hợp Lý, huyện Triệu Sơn với các nội dung chủ yếu sau:

**1. Tên công trình:** Kiên cố kênh tưới C6/7, thôn Đông Thành, xã Hợp Lý, huyện Triệu Sơn.

**2. Loại, cấp công trình:** Công trình Nông nghiệp và PTNT, cấp IV.

**3. Địa điểm xây dựng:** Xã Hợp Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

**4. Chủ đầu tư:** UBND huyện Triệu Sơn.

**5. Quy mô đầu tư và các giải pháp thiết kế chủ yếu:**

**5.1. Quy mô đầu tư**

- Cấp công trình: Cấp IV;
- Diện tích tưới:  $F = 360$  ha;
- Lưu lượng yêu cầu tưới:  $Q = 0,280$  m<sup>3</sup>/s.

**5.2. Các giải pháp thiết kế chủ yếu**

a) *Tuyến kênh:* Xây dựng mới kênh tưới trên tuyến kênh hiện trạng với chiều dài  $L=603,85$ m được chia thành các đoạn dài 10m, liên kết khe lún bằng giấy dầu tấm nhựa đường; mặt cắt ngang kênh hình chữ nhật kích thước  $b \times h = 1,0 \times 1,0$ m, chệch đáy  $0,1 \times 0,1$ m; đáy kênh BTXM M200 đá  $1 \times 2$ cm dày 15cm đặt trên lớp nilon tái sinh; thành kênh BTXM M200 đá  $1 \times 2$ cm dày 17cm, bố trí các thanh giằng trên tuyến bằng BTCT M250 đá  $1 \times 2$ cm đúc sẵn, kích thước  $b \times h \times l = 0,1 \times 0,1 \times 1,15$ m. Hai bên kênh được đắp đất đảm bảo độ chặt  $K \geq 0,9$ .

b) *Công trình trên tuyến:*

- Cổng qua đường:

+ Cổng số 1 (K0+266,37), mặt cắt ngang cổng hình chữ nhật kích thước  $b \times h = 1,0 \times 0,9$ m, chệch đáy  $0,1 \times 0,1$ m, chiều dài cổng  $L=5,0$ m, đáy cổng BTXM M200 đá  $1 \times 2$ cm dày 30cm đặt trên lớp nilon tái sinh; thành cổng BTXM M200 đá  $1 \times 2$ cm dày 30cm; phía trên đập tấm BTCT M250 kích thước  $b \times l \times h = 1,3 \times 5 \times 0,15$  m; mặt đường hai bên cổng được đổ bù bằng BTXM M200 đá  $1 \times 2$ cm dày 16cm.

+ Cổng số 2 (K0+429,2), mặt cắt ngang cổng hình chữ nhật kích thước  $b \times h = 1,0 \times 1,0$ m, chệch đáy  $0,1 \times 0,1$ m, chiều dài cổng  $L=2 \times 6 = 12,0$ m, được chia làm 2 đơn nguyên, liên kết khe lún bằng giấy dầu tấm nhựa đường; đáy cổng BTXM M200 đá  $1 \times 2$ cm dày 30cm đặt trên lớp nilon tái sinh; thành cổng BTXM M200 đá  $1 \times 2$ cm dày 30cm; phía trên đập tấm BTCT M250 kích thước  $b \times l \times h = 1,3 \times 5 \times 0,15$  m; mặt đường phía trên cổng được gia cố bằng BTXM đá  $1 \times 2$ cm dày 16cm dưới là lớp CPĐD loại 2 dày 18cm và đất đắp đảm bảo độ chặt  $K \geq 0,9$ .

- Cửa chia nước:

+ Cửa chia nước đơn (tại K0+358,2 phía hữu tuyến; K0+438, K0+572 phía tả tuyến) tổng chiều dài cửa  $L=2,67$ m, mặt cắt ngang hình chữ nhật được chệch đáy  $0,1 \times 0,1$ m, kết cấu BTXM M200 đá  $1 \times 2$ cm; đóng mở bằng ổ khóa V0 và cánh cửa BTCT M250 đá  $1 \times 2$ cm. Riêng cửa chia nước tại K0+438, theo hướng tuyến kênh chính (hạ lưu) bố trí giàn đóng mở cửa van V0 và cánh cửa BTCT M250 đá  $1 \times 2$ cm để đảm bảo vận hành trong quá trình chia nước.

+ Cửa chia nước đôi (tại K0+270) bố trí chia nước về 2 phía tả, hữu của tuyến kênh, tổng chiều dài cửa L=4,0m, mặt cắt ngang hình chữ nhật được chêm đáy 0,1x0,1m, kết cấu BTXM M200 đá 1x2cm; đóng mở bằng ổ khóa V0 và cánh cửa BTCT M250 đá 1x2cm.

## **6. Giá trị dự toán và nguồn vốn:**

### **6.1. Giá trị dự toán: 1.161.997.000 đ.**

(Một tỷ một trăm sáu mươi một triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn đồng)

Trong đó:

- Chi phí xây lắp	997.724.000 đ
- Chi phí QLDA	28.190.238 đ
- Chi phí TVĐTXD	120.279.758 đ
- Chi phí khác	15.803.161 đ

(có biểu chi tiết kèm theo)

**6.2. Nguồn vốn:** Từ nguồn kinh phí thực hiện chính sách bảo vệ, phát triển đất trồng lúa năm 2020.

**7. Hình thức quản lý dự án:** Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Triệu Sơn.

**8. Thời gian thực hiện:** Năm 2020-2021.

**Điều 2.** Giao Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Triệu Sơn chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện dự án theo đúng Luật Xây dựng và các quy định hiện hành của pháp luật.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch, NN và PTNT; Giám đốc kho bạc huyện; Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận :**

- Như điều 3 QĐ;
- Lưu: VT, KTHT.

**CHỦ TỊCH**

**Vũ Đức Kính**

## DỰ TOÁN

**CÔNG TRÌNH: KIÊN CỐ KÊNH TƯỚI C6/7, THÔN ĐÔNG THÀNH, XÃ HỢP LÝ,  
HUYỆN TRIỆU SƠN**

*Đơn vị tính: đồng*

TT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ VAT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
<b>I</b>	<b>CHI PHÍ XÂY DỰNG</b>	<b>907.021.818</b>	<b>90.702.182</b>	<b>997.724.000</b>
<b>II</b>	<b>CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN</b>	<b>28.190.238</b>		<b>28.190.238</b>
<b>III</b>	<b>CHI PHÍ TVĐTXD</b>	<b>109.345.234</b>	<b>10.934.523</b>	<b>120.279.758</b>
1	Khảo sát địa hình	29.545.455	2.954.545	32.500.000
2	Lập Báo cáo KT-KT	56.235.353	5.623.535	61.858.888
3	Giám sát thi công xây dựng	23.564.427	2.356.443	25.920.870
<b>IV</b>	<b>CHI PHÍ KHÁC</b>	<b>14.687.644</b>	<b>1.115.517</b>	<b>15.803.161</b>
1	Thẩm định báo cáo KT-KT	220.779		220.779
2	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	3.311.692		3.311.692
3	Kiểm toán	11.155.173	1.115.517	12.270.690
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.059.244.934</b>	<b>102.752.222</b>	<b>1.161.997.157</b>
	<b>LÀM TRÒN</b>			<b>1.161.997.000</b>
<i>Một tỷ một trăm sáu mươi một triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn đồng./.</i>				